TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 415/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 02-11-2018
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nam Hải

2. Ông Đặng Hữu Tú

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên toà: bà Đinh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

a/ Nguyên đơn: Bà Phan Thị Tuyết H, sinh năm: 1996; địa chỉ: thôn C, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

b/ Bị đơn: Ông Võ Đức P, sinh năm: 1985; địa chỉ: thôn C, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

c/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị L, sinh năm: 1944; địa chỉ: thôn C, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Phan Thị Tuyết H trình bày:

Bà và ông Võ Đức P kết hôn vào ngày 01/7/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Chúng tôi kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông P không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, số đề, gái và đánh đập bà, bản thân bà hiện nay không còn tình cảm với ông P, mấy tháng gần đây vợ chồng không nói chuyện, không còn quan tâm lẫn nhau. Bà không thể nào chung sống với ông P được nữa nên bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Võ Đức P.

Về con chung : vợ chồng có 01 con chung tên Võ Phan P1 – Sinh ngày: 07/5/2015.

Hiện nay con đang sống cùng vợ chồng bà. Nay ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng. Hiện nay bà đang làm công nhân may, thu nhập bình quân hàng tháng là 4.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Khi cưới về vợ chồng bà được hai bên gia đình cho 12 chỉ vàng 98%. Sau khi cưới, bà không có việc làm, còn chồng bà đi làm về không đưa tiền cho vợ nên bà đã bán vàng cưới để chi tiêu trong gia đình, chăm lo cho con, mua điện thoại cho chồng, sắm đồ sinh con. Khi bán vàng, bà đều nói cho chồng biết, do ông P đi làm không đưa tiền cho vợ nên trong thời gian ở nhà chăm con mọi chi tiêu đều dưa vào việc bán vàng và hỗ trợ của gia đình. Vợ chồng bà hiện nay chỉ còn 02 chỉ vàng cưới 98%, số vàng này bà đang cất giữ nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bà H không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai ngày 05/9/2018 và những lời khai tiếp theo, bị đơn ông Võ Đức P trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn, ông P hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà H, không bổ sung gì thêm. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do bản thân ông thỉnh thoảng cũng có uống vài ly rượu, về nhà vợ có to tiếng nên ông nóng giận đã đánh vợ vài tai. Tuy nhiên, ông vẫn đưa lương cho vợ đầy đủ, vẫn chăm lo cho vợ và con, vợ ông nghe lời mẹ vợ nên mới làm đơn ly hôn. Ông thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn, không đến nỗi phải ly hôn nên muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống. Vì vậy, bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung như lời trình bày của bà H. Hiện con đang sống chung với vợ chồng. Nếu Tòa án xử cho ly hôn thì ông P không đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng. Ông có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu bà H cấp

dưỡng nuôi con chung. Hiện nay ông đang phụ bếp, thu nhập hàng tháng là 8.000.000 đồng nên đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng có 12 chỉ vàng 98%, số vàng này là do hai bên gia đình cho vợ chồng khi làm đám cưới, số vàng này hiện nay bà ngoại cô Hạ là Phan Thị L đang cất giữ (khi đưa vàng cho bà L cất giữ giữa hai bên không viết giấy tờ gì, ông không có chứng cứ gì chứng minh số vàng này hiện nay bà L đang giữ). Ông P không hề biết việc bà H bán vàng vì bà H không nói với ông. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung gồm 12 chỉ văng 98% của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra ông không có ý kiến và trình bày gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2018 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Phan Thị L trình bày:

Bà là bà ngoại ruột của bà Phan Thị Tuyết H, sống cùng vợ chồng bà H ông P tại thôn C, xã Đ. Trong quá trình chung sống cùng gia đình, vợ chồng ông P bà H thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã, xỗ xác nhau, chủ yếu là mâu thuẫn về kinh tế. Sau khi cưới, vợ chồng ông P sống cùng gia đình bà, tiền vàng cưới vợ chồng ông P tự quản lý, không nhờ bà L giữ hộ. bà xác định không giữ 12 chỉ vàng của vợ chồng ông P bà H. Việc giải quyết tài sản chung của vợ chồng ông P bà H không liên quan gì đến bà.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng: việc mâu thuẫn của các đương sự đã trầm trọng nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung đề nghị giao cháu Võ Phan P1, sinh ngày 07/5/2015 cho bà Phan Thị Tuyết H tiếp tục trông nom, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Buộc ông Võ Đức P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2018 đến khi con trưởng thành. Về tài sản chung: đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: chia cho bà Phan Thị Tuyết H 02 chỉ vàng 98% được trọn quyền quản lý, sử dụng. Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn giữa nguyên đơn bà Phan Thị Tuyết H và bị đơn ông Võ Đức P. Bị đơn hiện đang cư trú tại địa chỉ: thôn C, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Ngày 27/9/2018, nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện *"Chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn"*. Yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận và xem xét theo quy định tại Điều 244 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị Tuyết H và ông Võ Đức P có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông P không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên cờ bạc, nhậu nhẹt về nhà đánh đập vợ. Ông P thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, thỉnh thoảng ông cũng uống vài ly rượu nên về vợ chồng có cãi vã nhau, ông bực mình có đánh vợ vài tai nhưng vẫn lo cho vợ con đầy đủ. Ông cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng và vẫn còn thương vợ con nên mong muốn đoàn tụ với bà H để nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, ông P đã nhiều lần khuyên nhủ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà H không đồng ý.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần hoà giải để vợ chồng bà H và ông P về đoàn tụ chung sống, xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn ông P. Hơn nữa, ông P mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn cho thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho bà Phan Thị Tuyết H được ly hôn ông Võ Đức P là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung**:** Bà H và ông P có 01 con chung tên là Võ Phan P1, sinh ngày 07/5/2015, hiện cháu Phát đang sống chung với vợ chồng bà H. Khi ly hôn bà H có nguyện vọng nuôi cháu Phát và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Ông P không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông cũng có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và ông P đều có nguyện vọng nuôi con chung nếu Tòa giải quyết cho ly hôn. Hiện cháu Phát vẫn đang ở độ tuổi thiếu niên nên cần sự chăm sóc, giáo dục, nhất là của người mẹ. Do đó, để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật HN&GĐ thống nhất giao cháu Võ Phan Phát, sinh ngày 07/5/2015 cho bà Phan Thị Tuyết H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Phan Thị Tuyết H yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Đức P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. HĐXX xét thấy, trách nhiệm chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phù hợp với nhu cầu hiện tại của con và thu nhập của người cấp dưỡng. Yêu cầu của bà H buộc ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp với nhu cầu thực tế của cháu Phát tại địa phương và thu nhập của ông P nên có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, HĐXX buộc ông Võ Đức P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Võ Phan P1, sinh ngày 07/5/2015 với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2018 cho đến khi Võ Phan Phát đủ 18 tuổi.

Ông Võ Đức P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất vợ chồng có 02 chỉ vàng 98% và thỏa thuận chia 02 chỉ vàng 98% cho bà Phan Thị Tuyết H được trọn quyền quản lý, sủ dụng. Thỏa thuận của các đương sự không trái quy định của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 246 BLTTDS nên HĐXX chấp nhận.

Về nợ chung: không có

Về án phí: Bà Phan Thị Tuyết H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật và phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với giá trị tài sản được nhận. Ông Võ Đức P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 54, Điều 58, Điều 59 ; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 110 Luật HN&GĐ; Điều 244, Điều 246 BLTTDS; Điều 468 BLDS; Luật án phí lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị Tuyết H được ly hôn ông Võ Đức P.

2/ Về con chung:

Giao con chung là Võ Phan P1, sinh ngày 07/5/2015 cho bà Phan Thị Tuyết H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động.

Ông Võ Đức P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Võ Đức P cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Võ Phan P1, sinh ngày 07/5/2015 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2018 cho đến khi Võ Phan P1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3/ Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Phan Thị Tuyết H và ông Võ Đức P: Giao cho bà Phan Thị Tuyết H được nhận và trọn quyền quản lý, sử dụng 02 chỉ vàng 98%.

4/ Về nợ chung: không có.

5/ Về án phí: Bà Phan Thị Tuyết H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 342.000đ tiền án phí chia tài sản nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0009244 ngày 28/8/2018 và biên lai thu số 0001550 ngày 27/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà Phan Thị Tuyết H còn phải nộp 42.000đ tiền án phí.

Ông Võ Đức P phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân